

HỌC LIỆU MỞ TRONG TIẾN TRÌNH HIỆN THỰC HÓA XÃ HỘI TRI THỨC

Nguyễn Thị Đông*

1. HỌC LIỆU MỞ - XU THẾ TẤT YẾU TRONG PHÁT TRIỂN XÃ HỘI TRI THỨC

Xã hội tri thức là hình thái xã hội mới cao hơn xã hội thông tin. Bản chất của xã hội tri thức là sự phát triển tri thức thông qua việc tiếp nhận và xử lý sáng tạo của con người đối với thông tin có sẵn. Như vậy, có thể nói, sự phát triển tri thức phụ thuộc rất nhiều vào cách thức mà mọi người tạo lập, truyền bá và chia sẻ tri thức trong xã hội.

Trên quan điểm “tri thức phải là tài sản chung của nhân loại chứ không thể là hàng hóa trao đổi”, xã hội tri thức quan tâm nhiều hơn tới cơ hội được tiếp cận và sử dụng tri thức của người dùng hơn là cho mục đích thương mại [10]. Với ý tưởng nhân văn: “Tri thức là của chung nhân loại và tri thức cần phải được chia sẻ”, trào lưu học liệu mở đã trở thành nhân tố đặc biệt quan trọng, một xu thế tất yếu khách quan trong tiến trình phát triển xã hội thông tin và tiến tới xã hội tri thức, đảm bảo quyền truy cập thông tin và tri thức cho tất cả mọi người. Theo đó, mọi công dân đều có quyền tự do tiếp cận thông tin và tri thức. Vấn đề ở

* TSKH., Nguyên Phó Giám đốc Trung tâm Thông tin Khoa học Thống kê, Viện Khoa học Thống kê, Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

đây là phải làm sao để dung hòa tối ưu giữa bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ và khả năng thúc đẩy phổ biến rộng rãi tri thức trong cộng đồng, phục vụ mục tiêu tiến bộ xã hội của mọi quốc gia trên thế giới.

Cùng với sự phát triển của công nghệ thông tin và truyền thông đa phương tiện hiện đại, học liệu mở được coi là một ý tưởng mang tính cách mạng và có tác động lớn tới giáo dục đại học [6]. Vì thế, trào lưu học liệu mở đã nhận được sự hưởng ứng rộng rãi của rất nhiều trường đại học và viện nghiên cứu trên thế giới. Đồng thời, Hiệp hội học liệu mở (Open Course Ware Consortium - OCWC) cũng đã được thành lập. Với sứ mệnh thúc đẩy giáo dục đào tạo cho mọi người trên toàn thế giới thông qua học liệu mở, OCWC là một cộng đồng gồm hơn 250 trường đại học và các tổ chức trên toàn thế giới cùng cam kết tạo lập một nguồn tài nguyên giáo dục sâu và rộng thông qua hình thức chia sẻ mở [1].

Thuật ngữ Học liệu mở (Open Course Ware - OCW) được Viện Công nghệ Massachusetts (MIT) đưa ra vào năm 2002, khi MIT quyết định cho phép người dùng Internet ở mọi nơi trên thế giới được truy nhập hoàn toàn miễn phí vào toàn bộ nội dung giảng dạy của mình trên Web.

Khái niệm Học liệu mở (OCW) được hiểu là tập hợp có tổ chức các bài giảng, lịch học, danh mục tài liệu tham khảo, bài tập về nhà, bài thi, bài thi nghiệm... được phép truy cập, sử dụng lại, dịch và sửa đổi chúng một cách tự do (miễn phí) cho mục đích giảng dạy, học tập và nghiên cứu thông qua Internet.

Kể từ khi MIT đưa các học liệu mở lên Web và tiếp đó là sự bùng nổ của các tài nguyên giáo dục mở (Open Educational Resources - OER) đã đánh dấu bước đột phá của thế giới trong việc chuyển đổi từ hệ thống giáo dục đóng, kém linh hoạt, kém liên thông sang hệ thống giáo dục mở [3], phù hợp với xu thế phát triển của xã hội tri thức.

Giáo dục mở (Open Education) là triết lý về cách mà mọi người sẽ sản xuất, xây dựng và chia sẻ tri thức, sao cho mỗi người trên thế giới

đều có thể tự do truy cập và sử dụng tài nguyên giáo dục có chất lượng mà không bị hạn chế bởi các rào cản [11]. Theo đó, Giáo dục mở đòi hỏi phải có một văn hóa mở, tức là văn hóa cộng tác và chia sẻ trong quá trình sản sinh, truyền bá và sử dụng các tài liệu giáo dục, cũng như các kết quả nghiên cứu với tinh thần truy nhập mở và giấy phép mở [3]. Trong hơn một thập kỷ qua, Giáo dục mở đã phát triển thành phong trào, tập trung chủ yếu vào tạo dựng nội dung các tài nguyên giáo dục mở.

Thuật ngữ Tài nguyên giáo dục mở (Open Educational Resources - OER) lần đầu tiên được thông qua tại diễn đàn UNESCO năm 2002 về tác động của OCW đối với giáo dục đại học của các nước đang phát triển dưới sự tài trợ của Quỹ William và Flora Hewlett. Gần đây, Hội nghị Tài nguyên giáo dục mở thế giới năm 2012 được UNESCO tổ chức tại Paris vào tháng 6/2012. Trong đó, Tuyên bố Paris về OER đã được các quốc gia thành viên của UNESCO, trong đó có Việt Nam, nhất trí thông qua. Tuyên bố Paris về OER kêu gọi Chính phủ các quốc gia thành viên UNESCO hỗ trợ phát triển và sử dụng OER, trong đó nêu rõ [9]:

- Khuyến khích nâng cao nhận thức và sử dụng OER;
- Tạo môi trường thuận lợi cho sử dụng công nghệ thông tin-truyền thông;
- Tăng cường phát triển các chiến lược và chính sách về OER;
- Thúc đẩy sự hiểu biết và sử dụng các khung cấp phép mở;
- Hỗ trợ xây dựng năng lực cho phát triển bền vững các tư liệu học tập có chất lượng;
- Khuyến khích các liên minh chiến lược về OER;
- Thúc đẩy sự phát triển và áp dụng OER với các ngôn ngữ và ngữ cảnh văn hóa khác nhau;

- Thúc đẩy nghiên cứu về OER;
- Tạo thuận lợi cho việc phát hiện, tìm kiếm, sử dụng và chia sẻ OER;
- Thúc đẩy việc cấp phép mở các tư liệu giáo dục được tạo ra từ ngân sách nhà nước.

Khái niệm Tài nguyên giáo dục mở (OER) được hiểu là những nguồn học liệu số hóa, được cung cấp mở, được sử dụng, tái sử dụng và tái phân phối một cách tự do mọi lúc, mọi nơi [5]. Đó là bất kỳ tài nguyên giáo dục nào, được xây dựng ở dạng sẵn sàng để giáo viên và học viên sử dụng cho mục đích giảng dạy, học tập và nghiên cứu, mà không yêu cầu phải trả phí bản quyền hoặc phí giấy phép đi kèm. Trong cấu trúc OER bao gồm các thành phần chính sau [9]:

- Nội dung học: Các chương trình đào tạo thuộc các khoa học đầy đủ; các tài liệu học tập (sách giáo khoa, tuyển tập khoa học, tạp chí, video, các ứng dụng đa phương tiện, các slide trình chiếu, podcasts, bản đồ, bảng tính, các kế hoạch học tập...); các modul nội dung; các đối tượng học tập, đã được từ bỏ một số bản quyền có liên quan, được phép truy cập, sử dụng lại, dịch và sửa đổi chúng một cách tự do (miễn phí).
- Công cụ: Phần mềm hỗ trợ việc tạo lập, phân phối, sử dụng và cải thiện nội dung học tập mở, bao gồm cả việc tìm kiếm và tổ chức nội dung, các hệ thống quản lý nội dung và quá trình học tập (CLMS), các công cụ phát triển nội dung và các cộng đồng học tập trực tuyến.
- Các tài nguyên bổ sung khác: Các giấy phép sở hữu trí tuệ để thúc đẩy xuất bản các tài liệu mở, các nguyên tắc thiết kế và bản địa hoá nội dung.

Như vậy, với khái niệm đã nêu ở trên, học liệu mở (OCW) chính là cấu phần nội dung học trong cấu trúc của tài nguyên giáo dục mở (OER).

2. ĐỔI MỚI GIÁO DỤC ĐẠI HỌC VIỆT NAM VÀ TRÀO LƯU HỌC LIỆU MỞ

Nghị quyết số 29-NQ/TW BCH TƯ khóa XI về đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế, đã xác định trọng tâm của giáo dục đại học là “đào tạo nhân lực trình độ cao, bồi dưỡng nhân tài, phát triển phẩm chất và năng lực tự học, tự làm giàu tri thức, sáng tạo của người học” [7]. Theo đó, đòi hỏi giáo dục đào tạo Việt Nam phải nhanh chóng chuyển hệ thống giáo dục cứng nhắc, thiếu liên thông sang hệ thống giáo dục mở; hình thành cơ chế học tập suốt đời gắn với xây dựng xã hội học tập, thực hiện xã hội hóa, dân chủ hóa và hội nhập quốc tế.... Trên tinh thần này, việc xây dựng, phát triển và chia sẻ OCW ở Việt Nam đã trở thành yêu cầu bức thiết, đảm bảo sự thành công của công cuộc đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục đại học Việt Nam.

Trào lưu OCW và OER ở Việt Nam đang trên những bước đi ban đầu. Dự án Học liệu mở Việt Nam (Vietnam Open Course Ware - VOCW) được bắt đầu xây dựng vào tháng 11/2005 với sự hợp tác giữa Bộ Giáo dục - Đào tạo, Công ty Phần mềm và Truyền thông VASC, Quỹ Giáo dục Việt Nam - Hoa Kỳ (VEF). Mục tiêu của VOCW là, xây dựng các phương thức nhằm xoá bỏ các rào cản, tạo điều kiện để người dùng Việt Nam có thể tận dụng được tối đa các nguồn học liệu mở sẵn có. Trang Web chính thức của VOCW (www.vocw.edu.vn) đã được bấm nút khai trương tại Hà Nội, Đà Nẵng và Thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 12/12/2007 [4]. Sau hơn 2 năm bấm nút khai trương, vào tháng 1/2010 VOCW đã được VEF chuyển giao cho Bộ Giáo dục - Đào tạo Việt Nam để tiếp tục phát triển trong giai đoạn kế tiếp. Như vậy, có thể nói, VOCW đã thành công trong việc đặt nền móng ban đầu cho hoạt động học liệu mở ở nước ta.

Trong cấu trúc nội dung của VOCW, các tài liệu học tập được tạo lập và sắp xếp từ các khối kiến thức nhỏ. Kho nội dung gồm 217 giáo

trình, được chia thành 1101 modul, cho phép mọi người đều có thể truy cập miễn phí, tham khảo các giáo trình, tư liệu học tập và giảng dạy của các trường đại học nổi tiếng trên thế giới và Việt Nam [1]. Đặc biệt, VOCW giúp các giảng viên có thể tập trung vào biên soạn giáo trình mà không mất nhiều thời gian trong tìm kiếm và xử lý các tài liệu về môn học. Các tài liệu trong VOCW mang tính minh bạch rõ ràng, là cầu nối để các nước trao đổi học bổng và thúc đẩy các hoạt động hợp tác giao lưu giáo dục đào tạo với Việt Nam.

VOCW được xây dựng với 2 phiên bản tiếng Anh và tiếng Việt, thu hút sự tham gia của 14 trường đại học Việt Nam trong xây dựng nội dung và chia sẻ tài liệu học tập. Theo dự kiến, VOCW sẽ được mở rộng và cập nhật tài liệu của tất cả các ngành, các môn học với sự tham gia của tất cả các trường đại học, cao đẳng Việt Nam và có thể sẽ mở rộng cho cả tài liệu học tập ở bậc phổ thông.

Trong giai đoạn thử nghiệm (2006-2008), VEF đã tài trợ kinh phí để xây dựng nội dung cho VOCW. Hơn ba mươi chuyên gia Việt Nam là giảng viên từ các trường đại học và viện nghiên cứu trong cả nước đã được mời tham gia xây dựng nội dung cho 24 môn học (8 môn học/ngành) thuộc 3 ngành: Khoa học máy tính, Kỹ thuật điện - điện tử và Công nghệ sinh học [1].

Các tiêu chí xây dựng và thẩm định môn học trong thiết kế nội dung mẫu bài giảng, bài tập, bài thi, giáo trình,... bằng tiếng Anh và có phụ chú bằng tiếng Việt, được các chuyên gia Việt Nam thực hiện trên cơ sở tận dụng các nguồn học liệu mở sẵn có, như MIT OCW, RICE Connexions, OER Commons, các tài liệu và kinh nghiệm của bản thân, cũng như tham gia hội thảo với các chuyên gia Hoa Kỳ. Sau khi được xây dựng xong, nội dung các môn học sẽ được các chuyên gia Hoa Kỳ đánh giá và thẩm định trước khi đưa lên VOCW để người dùng Việt Nam có thể sử dụng. Theo đó, nội dung môn học được xây dựng và thẩm định trước khi đưa vào VOCW phải thỏa mãn các yêu cầu sau [4]:

- Phù hợp với người dùng Việt Nam (được xây dựng bởi các chuyên gia Việt Nam);
- Đảm bảo chất lượng tương đương với các môn học trong một đại học ở Hoa Kỳ (được đánh giá và thẩm định bởi các chuyên gia Hoa Kỳ).
- Có phụ chú tiếng Việt đối với các khái niệm hoặc chủ đề khó để người dùng Việt Nam có thể dễ dàng hơn trong sử dụng.

Nội dung của 24 môn học này hiện đã sẵn sàng cho sử dụng. Các môn còn lại đang được các chuyên gia Hoa Kỳ thẩm định và sẽ lần lượt được đưa lên VOCW. Số lượng, hình thức và nội dung các giáo trình sẽ liên tục được cập nhật tại địa chỉ Web <http://www.vocw.edu.vn/lenses/moet/>. Các giáo trình này chủ yếu được cung cấp bởi các trường đại học Việt Nam, như: ĐHQG, Đại học Đà Nẵng, Đại học Kinh tế Quốc dân, Đại học Sư phạm kỹ thuật Tp Hồ Chí Minh, Đại học Sư phạm Hà Nội...

Hiện tại ba trung tâm dữ liệu của VOCW tại Hà Nội, Đà Nẵng và Thành phố Hồ Chí Minh cùng các máy chủ do VEF tài trợ đặt tại 28 trường thành viên đã chính thức đi vào hoạt động. Ngoài 28 trường thành viên, nhiều trường đại học khác trong cả nước đã và đang xúc tiến phối hợp với tổ công tác VOCW để cài đặt cho máy chủ sẵn có của trường mình, giúp cho cán bộ, giảng viên và sinh viên trong trường nhanh chóng truy cập được nguồn học liệu mở và giảm chi phí đáng kể cho nhà trường trong sử dụng Internet [8].

Như vậy, VOCW đã được xây dựng với mục tiêu tạo ra hệ thống OER của người Việt và cho người Việt, có nội dung phong phú và hữu ích, có thể sử dụng, tái sử dụng và truy nhập miễn phí, trước hết, trong môi trường giảng dạy, học tập và nghiên cứu khoa học, sau đó, sẽ mở rộng cho toàn xã hội [1].

Triển vọng phát triển OER ở Việt Nam được các nhà hoạch định chính sách đặt trọng tâm vào một số nội dung cơ bản sau [3]:

- Xây dựng hạ tầng cơ sở, công cụ và hỗ trợ kỹ thuật;

- Phát triển học liệu chất lượng cao từ nguồn OER của các đại học hàng đầu thế giới;
- Cung cấp cho cộng đồng các tài nguyên học liệu mở phù hợp với văn hóa và yêu cầu của đất nước;
- Xây dựng phương pháp mới để phát triển các học liệu mở;
- Thành lập cộng đồng người Việt Nam sử dụng OER song hành với khuyến khích sự đóng góp và chia sẻ tri thức;
- Thúc đẩy liên kết mạng với các cộng đồng OER quốc tế.

Có thể nói, định hướng phát triển OER ở Việt Nam đã được các nhà hoạch định chính sách xác định khá toàn diện từ việc xây dựng hạ tầng mạng, đảm bảo các công cụ và hỗ trợ kỹ thuật tới phát triển nội dung OER trên cơ sở khuyến khích sự đóng góp và chia sẻ tri thức của cộng đồng người Việt Nam sử dụng OER, cũng như thúc đẩy liên kết mạng với các cộng đồng OER quốc tế, tiến tới xây dựng một không gian truy cập chung tới OER trong phạm vi quốc gia và quốc tế.

Tuy nhiên, tính khả thi của chính sách phát triển OER ở Việt Nam phụ thuộc chủ yếu vào lộ trình hoạch định chính sách chiến lược phát triển giáo dục đào tạo Việt Nam một cách thiết thực và khả thi chứ không chỉ mang tính hình thức (trên giấy). Đồng thời, để có thể xây dựng hệ thống giáo dục Việt Nam thực sự “mở” đúng hướng và thành công, thì vấn đề quan trọng đầu tiên là cần có giải pháp kịp thời và hữu hiệu nhằm nâng cao nhận thức về OER trong và ngoài ngành Giáo dục, tạo cơ sở đồng thuận xã hội cho việc đề xuất chính sách phát triển OER ở Việt Nam.

3. VAI TRÒ CỦA THƯ VIỆN ĐẠI HỌC TRONG PHÁT TRIỂN HỌC LIỆU MỞ Ở VIỆT NAM

Giáo dục đại học gắn liền với quá trình chuyển giao tri thức và nghiên cứu khoa học. Đầu vào của quá trình này là thông tin/tri thức và đầu ra là nguồn nhân lực phục vụ cho công cuộc xây dựng và phát

triển kinh tế - xã hội quốc gia. Một trong những nhân tố đặc biệt quan trọng, mang tính quyết định chất lượng đầu ra của quá trình giáo dục đào tạo chính là khả năng cung cấp nguồn học liệu và thúc đẩy việc sử dụng chúng vào hoạt động giảng dạy, học tập và nghiên cứu khoa học một cách thường xuyên và có ý thức của người dùng.

Sự bùng nổ của thông tin và tri thức cùng với áp lực đổi mới giáo dục đào tạo Việt Nam đòi hỏi các thư viện đại học phải có cách thức mới trong tạo lập, quản lý, truyền bá và phổ biến tri thức. Trên góc độ này, việc phát triển học liệu mở ở Việt Nam là vấn đề mang tính chiến lược quốc gia trong hiện đại hóa sự nghiệp giáo dục đào tạo Việt Nam. Là cộng sự đắc lực của giáo dục đào tạo, thư viện đại học giữ một vai trò đặc biệt quan trọng trong tạo lập, lưu giữ, truyền bá và chia sẻ học liệu mở ở Việt Nam, nhằm phá bỏ mọi rào cản trong quá trình phổ biến và chuyển giao tri thức giữa các thế hệ.

Trên tư cách là “giảng đường” thứ hai, thư viện đại học trong thế kỷ 21 đã trở thành trung tâm thông tin của các trường đại học, quyết định chất lượng đầu ra của quá trình đào tạo. Trên quan điểm này, hơn ai hết, thư viện đại học là nhân tố giữ vai trò chủ chốt trong tiến trình phát triển học liệu mở ở Việt Nam. Với ưu thế đặc thù về chuyên môn nghiệp vụ của mình, cán bộ thư viện đại học hoàn toàn có khả năng định vị tìm kiếm, thu thập và xử lý các nguồn học liệu chất lượng cao trên cơ sở chọn lựa từ các nguồn OER của các đại học hàng đầu thế giới và trong nước; khả năng tổ chức lưu trữ các nguồn học liệu đã được xử lý theo các tiêu chí nhất định về cấu trúc, nội dung và công nghệ; khả năng tổ chức phân phối và chia sẻ các nguồn học liệu một cách cởi mở; khả năng đảm bảo các điều kiện thuận lợi cho mọi người trong truy cập, khai thác và sử dụng các nguồn OER có giá trị, cũng như khả năng khuyến khích sự đóng góp và chia sẻ tri thức từ những người dùng.

Tuy nhiên, việc phát triển học liệu mở ở Việt Nam không chỉ đơn giản là việc tạo lập và chia sẻ nguồn học liệu giữa các thư viện đại học, lại càng

không phải là việc hợp tác liên kết bổ sung tài liệu để dùng chung. Đây là vấn đề mang tính hệ thống, đòi hỏi phải giải quyết nhiều nội dung có liên quan tới các cấp quản lý giáo dục khác nhau trên cơ sở nhận thức đúng đắn tầm quan trọng của học liệu mở đối với sự nghiệp đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục đại học Việt Nam, nhằm xây dựng nguồn học liệu mở bền vững cho người Việt Nam, phù hợp với văn hóa và yêu cầu của đất nước, cũng như tạo lập một không gian truy cập chung trên phạm vi quốc gia và quốc tế, cho phép mọi công dân Việt Nam được quyền truy cập tự do tới các nguồn học liệu mà không bị hạn chế bởi bất kỳ rào cản nào.

4. KẾT LUẬN

Trào lưu học liệu mở cùng với truyền thông đa phương tiện hiện đại không chỉ tạo ra cuộc cách mạng về ý tưởng giáo dục đại học, mà còn là phương tiện hữu hiệu cho hiện thực hóa xã hội tri thức. Sự nghiệp đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục đào tạo Việt Nam phụ thuộc rất nhiều vào việc tận dụng cơ hội của trào lưu học liệu mở trong đảm bảo khả năng tiếp cận mở tới kho tri thức của nhân loại. Với ưu thế đặc thù về chuyên môn nghiệp vụ, thư viện đại học giữ vị trí trung tâm trong quá trình xây dựng, duy trì và phát triển nguồn học liệu mở Việt Nam, cũng như trong tổ chức phổ biến, chia sẻ và sử dụng chúng. Tuy nhiên, để có thể phát triển bền vững học liệu mở ở Việt Nam, trước hết, đòi hỏi phải nhận thức đúng đắn tầm quan trọng của học liệu mở trong tiến trình hiện đại hóa sự nghiệp giáo dục đào tạo Việt Nam. Tiếp đến là, cần xây dựng văn hóa cộng tác và chia sẻ với sự tự nguyện cao nhất trong quá trình tạo lập, phổ biến và sử dụng rộng rãi các tài liệu giáo dục, cũng như các kết quả nghiên cứu với tinh thần truy nhập mở và giấy phép mở. Đồng thời chính sách phát triển OER phải được hoạch định cụ thể vào lộ trình thực hiện chính sách chiến lược phát triển giáo dục đào tạo Việt Nam, nhằm mang lại cơ hội học tập bình đẳng và chất lượng cho đông đảo công dân Việt Nam.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Chia sẻ miễn phí kho Học liệu mở Việt Nam // <http://www.nhandan.com.vn/mobile/> (truy cập ngày 6/10/2015).
2. Chuyển hệ thống giáo dục cứng nhắc sang giáo dục mở // <http://khuyenhocyenbai.vn/>
3. Giáo dục Việt Nam ‘mở’ như thế nào? // <http://vietnamnet.vn/>.
4. Giới thiệu chương trình học liệu mở Việt Nam (VOCW). Các ứng dụng của VOCW có thể khai thác qua mạng VINAREN // <http://text.123doc.org/document/132810>.
5. Học liệu Mở (Open Course ware - OCW) và các khái niệm cơ bản // <http://voer.edu.vn/m>.
6. Học liệu mở: Cách mạng về ý tưởng giáo dục ĐH” // <http://career-builder.vn/vi/talentcommunity/>.
7. Một nền giáo dục mở, thực học, thực nghiệp // <http://www.thanhnien.com.vn/giao-duc/> (truy cập ngày 07/11/2013).
8. Nguyễn Huy Chương, Nguyễn Tiến Hùng. Học liệu mở và hướng phát triển tài nguyên số tại các thư viện đại học Việt Nam // <http://dlib.huc.edu.vn/bitstream/>.
9. Những khái niệm cơ bản liên quan tới tài nguyên giáo dục mở // <http://www.hcmup.edu.vn/>.
10. Understanding Knowledge Societies/DESA.- UN, New York, May 2005, p.23 và 36.
11. What is open education? // <http://opensource.com/resources/>.